

Số: 21 /TB-UBND

Nguyễn Lương Bằng, ngày 30 tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO

**Về việc công khai Danh mục thủ tục hành chuẩn hóa
thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng
thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân xã**

Thực hiện Công văn số 4948/SXD-VP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Sở Xây dựng về việc công khai danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng. Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Lương Bằng thông báo công khai Danh mục thủ tục hành chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân xã như sau:

1. Lĩnh vực Hàng hải và đường thủy gồm 25 thủ tục hành chính;
2. Lĩnh vực Đường bộ gồm 04 thủ tục hành chính;
3. Lĩnh vực Hoạt động xây dựng gồm 08 thủ tục hành chính;
4. Lĩnh vực Nhà ở gồm 01 thủ tục hành chính;
5. Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng, kiến trúc gồm 03 thủ tục hành chính.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Nội dung thủ tục hành chính được niêm yết công khai tại Trung tâm phục vụ hành chính công, Trang thông tin điện tử của xã địa chỉ: <https://nguyenluongbang.haiphong.gov.vn>

UBND xã Nguyễn Lương Bằng thông báo để các cơ quan, đơn vị có liên quan, các tổ chức, cá nhân được biết thuận tiện trong giao dịch./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND xã;
- Trung tâm PVHCC;
- Công TTĐT, Công chức chuyên môn;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**


Trần Thanh Tuấn

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG
THUỘC THẨM QUYỀN CỦA UBND XÃ

(Kèm theo Thông báo số 21 /TB-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của UBND xã Nguyễn Lương Bằng)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	phí, lệ phí	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến		Căn cứ pháp lý
						Toàn trình	Một phần	
I	Lĩnh vực Hàng hải và đường thủy (25 TTHC)							
1	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	02 ngày làm việc	TTPVHCC cấp xã	70.000đ		x	Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
2	1.004047	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	02 ngày làm việc	TTPVHCC cấp xã	70.000đ		x	Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
3	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	02 ngày làm việc	TTPVHCC cấp xã	70.000đ		x	Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ

4	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	02 ngày làm việc	TTPVHCC cấp xã	70.000đ		x	Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
5	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	02 ngày làm việc	TTPVHCC cấp xã	70.000đ		x	Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
6	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	02 ngày làm việc	TTPVHCC cấp xã	70.000đ		x	Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
7	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính Cấp thành phố khác	02 ngày làm việc	TTPVHCC cấp xã	70.000đ		x	Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
8	1.003930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	02 ngày làm việc	TTPVHCC cấp xã	70.000đ		x	Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
9	2.001659	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	02 ngày làm việc	TTPVHCC cấp xã	Không quy định		x	Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
10	1.009444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	02 ngày làm việc	TTPVHCC cấp xã	100.000đ	x		Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính

11	1.009447	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	05 ngày làm việc	TTPVHCC	Không quy định	x		Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
12	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	05 ngày làm việc	TTPVHCC cấp xã	Không quy định	x		Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
13	2.001215	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	03 ngày làm việc	TTPVHCC cấp xã	Không quy định	x		Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
14	2.001214	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	03 ngày làm việc	TTPVHCC	Không quy định	x		Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
15	2.001212	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	03 ngày làm việc	TTPVHCC cấp xã	Không quy định	x		Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
16	2.001211	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	02 ngày làm việc	TTPVHCC cấp xã	Không quy định	x		Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ

17	2.001218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	05 ngày làm việc	TTHCDVC cấp xã	Không quy định	x		Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
18	2.001217	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	02 ngày làm việc	TTHCDVC cấp xã	Không quy định	x		Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
19	1.009452	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	05 ngày làm việc	TTHCDVC cấp xã	Không quy định	x		Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
20	1.009453	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	05 ngày làm việc	TTHCDVC cấp xã	Không quy định	x		Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
21	1.009454	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	05 ngày làm việc	TTHCDVC cấp xã	100.000đ	x		Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
22	1.009455	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	05 ngày làm việc	TTPVHCC cấp xã	100.000đ	x		Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
23	1.003658	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	05 ngày làm việc	TTPVHCC cấp xã	100.000đ	x		Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của CP

24	1.005040	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Không quá 02 (hai) giờ làm việc kể từ khi đã nhận đủ các giấy tờ hợp lệ	TTPVHCC cấp xã	Thông tư số 248/2016 / TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính			Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025
25	1.002372	Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải	03 giờ	TTPVHCC cấp xã	Thông tư số 261/2016/ TT-BTC ngày 14/11/ 2016; Thông tư số 90/2019/TT - BTC ngày 31/12/ 2019			- Thông tư số 30/2016/TT-BGTVT ngày 28/10/2016
II Lĩnh vực đường bộ (04 TTHC)								
26	1.013274	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	01 ngày đối với đám tang, không quá 05 ngày làm việc đối với các trường hợp khác kể từ khi tiếp nhận hồ sơ	TTPVHCC cấp xã	Không quy định	x		Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
27	1.000314	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	7 Ngày làm việc	TTPVHCC cấp xã	Không quy định	x		Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 6/12/2024

28	2.001921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	07 ngày làm việc	TTHCDVC cấp xã	Không quy định	x		Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
29	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai	07 ngày làm việc	TTHCDVC Cấp xã	Không quy định	x		Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025
III Lĩnh vực Hoạt động xây dựng (08 TTHC)								
30	1.013225	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	TTHCDVC cấp xã	Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.		x	- Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ

31	1.013229	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPVHCC cấp xã	Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.		x	- Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
32	1.013232	Thủ tục cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời	TTPVHCC cấp xã	Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.		x	- Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ

33	1.013226	Thủ tục cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời	TTPVHCC cấp xã	Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.		x	- Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
34	1.013227	Thủ tục gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPVHCC cấp xã	Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.		x	- Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ

35	1.013228	Thủ tục cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPVHCC cấp xã	Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.		x	- Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
36	1.013234	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh;	Kê từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: - Không quá 40 ngày đối với công trình cấp đặc biệt, I; - Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 20 ngày đối với công trình còn lại.	TTPVHCC cấp xã	Thông tư 28/2023/ TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính, mức thu tính theo tỷ lệ %.		x	- Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
			Kê từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp		Thông tư 28/2023/			

37	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	lệ. - Dự án nhóm A không quá 35 ngày, - Dự án nhóm B không quá 25 ngày, - Dự án nhóm C không quá 15 ngày.	TTPVHCC cấp xã	TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính, mức thu tính theo tỷ lệ %.	x	- Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
IV	Lĩnh vực nhà ở (01 TTHC)						
38	1.012888	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPVHCC cấp xã	Không quy định	x	- Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023; - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/07/2024; - Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024; - Quyết định số 891/QĐ-BXD ngày 25/09/2024.
V	Lĩnh vực quy hoạch xây dựng, kiến trúc (03 TTHC)						
39	1.008455	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	TTPVHCC cấp xã;	Không quy định	x	Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ

40	1.002662	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	20 ngày	TTPVHCC cấp xã; Ban QLKKT	Theo quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD, Thông tư số 28/2023/TT-BTC	x		Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
41	1.003141	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	20 ngày	TTPVHCC cấp xã; Ban QLKKT	Theo quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD, Thông tư số 28/2023/TT-BTC	x		Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ

